

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 29-7-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 1 và ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 2 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3205/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa **số 2767/TB-TA ngày 16/7/2019** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền ngày 08/6/2018), vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Văn P, Luật sư Văn phòng luật sư Đăng Minh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn:

1. Bà Cao Thị X, sinh năm 1942; nơi cư trú: Xóm H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị X: Bà Trương Thị H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Ông Cao Văn T, sinh năm 1927; nơi cư trú: Số nhà 327, Đường 3 - 52, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn T: Ông Khúc Văn H, sinh năm 1957, nơi cư trú: Số 47/47 phụ 5 đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 10/7/2018), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng Hải Phòng, ông B vắng mặt, bà T có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Cao Thị N, sinh năm 1948, nơi cư trú: Số nhà 3, Tổ T 5, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Ông Nguyễn Trọng M, sinh năm 1940 (chồng bà Cao Thị N), nơi cư trú: Số nhà 3, Tổ T 5, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 01/6/2018), có mặt;

2. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1971, nơi cư trú: Xóm H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

3. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1972 (vợ anh Nguyễn Thế H), nơi cư trú: Xóm H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của anh H: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 08/6/2018), vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Thế M, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 12 tập thể X, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Thế M: Chị Hà Thị Thúy H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 11/20 Tập thể X, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2018), có mặt.

5. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

6. Chị Vũ Thị H Quế, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;

7. Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Vi – Chủ tịch;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Văn B – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và ông Vũ Đình Trường – Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Thủy Nguyên (theo giấy ủy quyền số 2348/QĐ-UBND ngày 07/6/2018), vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

8. Chi Cao Văn T của dòng họ Cao tại thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện cho Chi Cao Văn T của dòng họ Cao: Ông Cao Văn T, sinh năm 1927; nơi cư trú: Số nhà 327, Đường 3 - 52, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; là Trưởng chi, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn T: Ông Khúc Văn H, sinh năm 1957, nơi cư trú: Số 47/47 phụ 5 đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 10/7/2018), có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A và của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông bà ngoại của anh Nguyễn Tuấn A là cụ Cao Văn T và cụ Phạm Thị T có 03 người con là các bà Cao Thị X, Cao Thị N và Cao Thị B (bà B mất năm 2004, có chồng là Nguyễn Bạch Đ đã ly hôn từ năm 1981, có 03 con trai là Nguyễn Thế H, Nguyễn Thế M, Nguyễn Tuấn H). Cụ T và Cụ Tg đều chết năm 2006. Khi còn sống các cụ có khối tài sản gồm:

- Diện tích đất 3.143 m², trên đất có căn nhà ba gian cũ thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 02; tại xóm H, xã L, huyện T Hải Phòng.

- Diện tích 336 m² đất ao tại thửa số 09, tờ bản đồ số 02; tại xóm H, xã L, huyện T Hải Phòng;

- Diện tích 180 m² đất ao chuôm ven làng; tại xóm H, xã L, huyện T Hải Phòng;

- Diện tích 504 m² đất 03, tại xứ Đ Đ, xã L, huyện T Hải Phòng; Tổng trị giá khoảng 4.000.000.000 đồng.

Ngày 03/02/1980, hai cụ viết “*Giấy nhượng vườn đất cho các con*” và được UBND xã Lâm Động chứng nhận ngày 04/02/1980. Nội dung Cụ T và Cụ Tg chia 8,5 sào đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 02 cho bà Cao Thị X sử dụng 2,5 sào, cho bà Cao Thị N sử dụng 02 sào, cho bà Cao Thị B sử dụng 02 sào (tương đương 720 m²), còn lại 2,2 sào (tương đương 792 m²) để hai cụ dưỡng già. Tuy nhiên các cụ chưa chia tách trên thực tế. Năm 2006, Cụ T và Cụ Tg chết không để lại di chúc. Năm 2011, anh A được biết bà X và chính quyền địa phương có làm thủ tục chia tách đất của Cụ T và Cụ Tg để lại nhưng nguyên đơn không biết, không được tham gia họp. Năm 2013, cụ Cao Văn T (em trai Cụ T) là Trưởng chi họ Cao Văn T thôn Lâm Động tự ý phá ngôi nhà 3 gian cũ của Cụ T và Cụ Tg, xây trên đó ngôi nhà Từ đường Chi họ Cao, khi xây dựng nhà Từ đường anh A không tham gia, không đóng góp. Hiện nay, cụ T đang sử dụng diện tích 908 m², trên đất có nhà Từ đường Chi họ Cao; bà X đang sử dụng 1.617 m², bà X đã tặng cho chị Vũ Thị H (con của bà X) 264m², tặng cho chị Vũ Thị H Q (con của bà X) 200m²; phần đất còn lại của

bà X và các con bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; phần đất bà N đang sử dụng 722 m². Còn thửa đất ao 336 m² và thửa 180 m² đất ao chuôm ven làng và 504 m² đất 03 do bà X và các con thay nhau sử dụng.

Đối với diện tích ao chuôm ven làng 180m² tại xóm H, xã L, huyện T Hải Phòng, khi còn sống Cụ T và Cụ Tg đã đổi cho cụ Cao Thị D (hiện đã chết) lấy 180m² đất 03 thuộc thửa 1562 tờ bản đồ 02 tại thôn H, xã L. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu chia thừa kế căn nhà ba gian cũ nằm trên diện tích đất 3.143 m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 02, **không đề nghị giải quyết cây cối hoa màu trên đất.**

Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Chia toàn bộ diện tích đất là di sản của Cụ T và Cụ Tg để lại theo pháp luật, gồm: Diện tích đất 3.143 m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 02; diện tích 336 m² đất ao tại thửa số 09, tờ bản đồ số 02; 180m² đất 03 thuộc thửa 1562 tờ bản đồ 02 và diện tích 504 m² đất 03, các diện tích đất trên đều tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 276610 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp cho bà Cao Thị X ngày 23/4/2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 184382 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/7/2015 cho chị Vũ Thị H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 184383 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/7/2015 cho chị Vũ Thị H Quế, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 843506 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/11/2016 cho Từ đường dòng họ Cao.

Bị đơn bà Cao Thị X trình bày: Bà X khai thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Bà lấy chồng từ năm 1969 nhưng vẫn ở với bố mẹ. Năm 1980, bố mẹ bà đã chia tách đất diện tích 8,5 sào tại thửa số 15, tờ bản đồ số 02 cho ba người con như nguyên đơn trình bày, việc chia tách đất được các cụ viết bằng văn bản “*Giấy nhượng vườn đất cho các con*” và được UBND xã Lâm Động chứng nhận ngày 04/02/1980, được đăng ký và ghi vào sổ Đăng ký ruộng đất của xã Lâm Động năm 1989, sau đó địa phương đã cắm mốc giới và giao đất cho từng người vào năm 2011. Bà đã ở trên phần đất được chia từ năm 1980 đến nay. Ngày 23/4/2015, UBND huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 276610 cho bà X với diện tích 900 m². Sau đó bà X làm thủ tục tách cho hai con gái là chị Vũ Thị H diện tích 264 m² đã được cấp giấy chứng nhận số CB 184382 ngày 28/7/2015, chị Vũ Thị H Q diện tích 200 m² đã được cấp giấy chứng nhận số 184383 ngày 28/7/2015, diện tích đất còn lại 440 m² hiện bà X đang sử dụng. Đối với diện tích cho bà N, bà B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn diện tích đất 2,2 sào, khi còn sống bố mẹ bà có viết giấy với nội dung giao cho cụ Cao Văn T (là em trai) sử dụng để duy trì thờ cúng tổ tiên. Sau

khi các cụ chết, bà X và bà N đã thống nhất giao đất cho cụ T sử dụng nhưng không bàn với các con bà Ba. Năm 2012, cụ T đã xây nhà Từ đường chi họ Cao Văn T trên diện tích đất trên. Ngày 28/11/2016, UBND huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 843506 cho người sử dụng là Từ đường dòng họ Cao với diện tích 794,5 m².

Năm 2001, bà B có bàn bạc với bà X đổi phần đất 2 sào mà các cụ đã chia cho bà B để đổi lấy thửa đất 250 m² của bà X đã nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị N, bà X đồng ý. Hiện nay thửa đất 250 m² trên anh Nguyễn Thế H (con của bà Ba) đang sử dụng, xây nhà từ năm 2002, việc đổi đất không lập văn bản, không thông qua chính quyền địa phương, đến nay chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Ngoài ra, bố mẹ bà còn các diện tích đất sau: diện tích 336 m² tại thửa số 09, tờ bản đồ số 02; 180 m² đất 03; diện tích 504 m² đất 03 đều ở xã L, huyện T Hải Phòng. Các diện tích đất này bố mẹ bà chưa chia, đều do bà quản lý, sử dụng và đóng thuế đất. Riêng thửa số 09 hiện nay không còn đủ 336 m² do thửa 09 liền kề thửa 15, khi các cụ chia tách cho bà X 900m², bà X đo không đủ nên đã đo sang một phần đất tại thửa 09 để cho đủ 900m². Đối với diện tích ao chuôm ven làng 180m² tại xóm H, xã L, huyện T Hải Phòng, khi còn sống Cụ T và Cụ Tg đã đổi cho cụ Cao Thị D (hiện đã chết) lấy 180m² đất 03 thuộc thửa 1562 tờ bản đồ 02 tại thôn H, xã L.

Bà có quan điểm: Đất của bố mẹ đã cho ba chị em và đất đã giao cho cụ T làm nơi thờ cúng thì giữ nguyên hiện trạng, không chia. Nếu bà được chia đất nằm trong diện tích đất của Từ đường chi họ Cao thì bà xin góp phần đất này cho Chi họ Cao để làm nơi thờ cúng. Các diện tích đất của bố mẹ còn lại chưa chia đề nghị chia theo pháp luật. Ngày 25/10/2016, bà X có đơn phản tố yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thế H và chị Phạm Thị Q phải trả lại cho bà diện tích đất 250 m² mà trước đây bà đã mua của bà Trần Thị N, bà sẽ trả lại diện tích đất 2 sào của bà B cho anh H, anh M, anh A. Bà chỉ đồng ý trả đất, còn phần tài sản mà anh H đã xây trên đất, bà X không chấp nhận thanh toán.

Bị đơn cụ Cao Văn T trình bày: Cụ T là em ruột của cụ Cao Văn T. Khoảng năm 1940-1941, Cụ T kết hôn với Cụ Tg và ở trên diện tích đất có nguồn gốc của bố mẹ Cụ T là cô Cao Văn Phác và Đàm Thị Tất. Hai cô chia đất cho Cụ T và Cụ Tg là con trưởng nên được chia nhiều hơn, diện tích khoảng 11 sào. Khi còn sống Cụ T, Cụ Tg đã chia diện tích đất 8,5 sào thuộc thửa 15 cho 03 người con gái, cụ thể như các bên đương sự đã trình bày, còn lại 2,2 sào để lại làm nhà thờ cúng tổ tiên. Việc phân chia này được Cụ T và Cụ Tg viết “*Giấy nhượng vườn đất cho các con*” vào năm 1980 và đã được UBND xã Lâm Động chứng thực và ghi vào sổ đăng ký ruộng đất. Năm 2006, Cụ T và Cụ Tg chết thì bà X vẫn tiếp tục ăn ở trên đất của bố mẹ cho. Bà N và bà Bláy chồng nơi khác không ăn ở trên đất. Năm 2011, UBND xã Lâm Động đến làm việc, lập biên bản đo vẽ cụ thể để chia tách

đất cho từng người, phần còn lại 2,2 sào trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do Cụ T và Cụ Tg để lại thống nhất để làm nơi thờ cúng tổ tiên và giao cho cụ T quản lý. Tại Biên bản họp ngày 11/11//2012, có sự chứng kiến của UBND xã Lâm Động, bà X, bà N, anh H và anh M (là con trai bà B) đã thống nhất giao 2,2 sào cho cụ T quản lý, sử dụng. Do ngôi nhà xuống cấp, không sử dụng nên được sự thống nhất của các thành viên trong họ, năm 2014 cụ T đã xây lại thành Từ đường chi họ Cao ngay trên nền ngôi nhà cũ, kinh phí xây dựng do cụ T và các con cụ T bỏ ra chủ yếu, anh em trong họ đóng góp thêm.

Cụ T có quan điểm không đồng ý việc chia phần đất 3.143 m² vì phần đất này đã được Cụ T và Cụ Tg chia tách cho 03 người con, việc chia tách có văn bản, có địa phương chứng nhận. Đối với phần đất 2,2 sào còn lại đã được Cụ T và Cụ Tg giao cho cụ T quản lý và làm nhà Từ đường cúng tổ tiên, các con cháu của Cụ T đều đồng ý. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chia thừa kế diện tích đất Cụ T và cụ Tàng để lại làm nơi thờ cúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Cao Thị N và người đại diện theo ủy quyền cho bà N là ông Nguyễn Trọng M: Thống nhất với lời khai của bà X về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, diện tích đất, việc bố mẹ lập giấy chia tách đất cho các con và để lại một phần là 2,2 sào cho cụ Cao Văn T quản lý, làm nơi thờ cúng là có thật. Bà N đề nghị không chia phần đất 2,2 sào vì đã làm nhà Từ đường chi họ Cao, nếu được chia phần đất này bà N xin góp phần đất mình được hưởng vào cho Chi họ Cao làm nơi thờ cúng. Phần đất còn lại bố mẹ chưa chia thì đề nghị chia theo pháp luật. Bà xin nhận phần đất bà N hiện quản lý nằm phía sau nhà Từ đường nhưng phải xem xét phần ngõ đi vào.

- Anh Nguyễn Thế H, chị Phạm Thị Q (vợ anh H) trình bày: Bố mẹ anh là ông Nguyễn Bạch Đ và bà Cao Thị B có sinh được 03 người con gồm: Anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế M, anh Nguyễn Tuấn A. Năm 1980, bố mẹ anh ly hôn, năm 2004 mẹ anh chết. Đất vợ chồng anh đang ở là đất của bà X mua của bà Trần Thị N. Năm 2003, bà B và bà X thỏa thuận đổi đất với nhau, việc đổi đất không làm thành văn bản. Nội dung thỏa thuận như thế nào anh H **chị Q** không biết. Năm 2004, vợ chồng anh H đã xây nhà diện tích đất trên, nay bà X yêu cầu trả lại đất, anh không đồng ý nhưng nếu đổi thì bà X phải trả lại đất của bà B cho anh em anh quản lý và thanh toán giá trị tài sản trên đất.

- Anh Nguyễn Thế M trình bày thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và về quan hệ huyết thống. Anh H và anh M thống nhất giao phần thừa kế của mình cho anh A quản lý.

- Chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H Q trình bày: Năm 2001, bà X cho chị Hồng 264 m², cho **chị Q** 200m² trên tổng số 900 m² mà bà X được Cụ T Cụ Tg cho tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên. Hiện, diện tích đất các chị được cho là đất

trông, chưa xây dựng gì. Các chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

UBND xã Lâm Động cung cấp: Cụ T và Cụ Tg có các tài sản gồm: diện tích đất 3.143 m² tại thửa số 15, tờ bản đồ số 02; diện tích đất ao 336 m² tại thửa số 09; diện tích đất 180 m² đất ao chuôm ven làng; diện tích đất 03 là 504 m² tại thửa số 1584 tờ bản đồ số 02. Nguồn gốc hai thửa số 15, thửa số 09 có trước năm 1980. Năm 1980, hai cụ chia tách đất tại thửa số 15 (diện tích 3.143 m²) cho các 03 người con, cụ thể bà X được 900 m², bà B được 720 m², bà N được 720 m². Việc chia tách này được lập thành văn bản, có chứng nhận của UBND xã, đã được khai báo và vào sổ đăng ký ruộng đất của xã năm 1989 (bà X số thứ tự 24, bà B số thứ tự 96, bà N số thứ tự 97 tại sổ đăng ký ruộng đất năm 1989). Việc tặng cho là có thật, các tài liệu gốc việc tặng cho hiện nay địa phương không còn lưu giữ và thực tế bà X đã sử dụng từ thời điểm được tặng cho còn phần của bà N và bà B hai cụ vẫn sử dụng đến khi chết. Ngày 17/5/2014, các con cháu trong gia đình có biên bản họp xác định mốc giới vị trí các phần đất cho bà X, bà N, bà B và phần đất làm nhà Từ đường. Do phần của bà X còn thiếu nên xã đã đo cả một phần của thửa số 09 sang cho đủ vì vậy thửa số 09 chỉ còn 225,3 m². Phần đất còn lại của thửa số 15 gồm 794,5 m² ngày 22/3/2014, gia đình bà X thống nhất giao phần đất này cho cụ T quản lý, làm nơi thờ cúng. Sơ đồ tổng thể thửa đất số 15, thửa số 09 do UBND xã Lâm Động lập ngày 06/5/2015 gồm: Cụ Cao Văn T 794,5 m², bà Cao Thị X 900 m², bà Cao Thị N 929 m², bà Cao Thị B 720 m², thửa số 09 còn 213,9 m². Đối với diện tích ao chuôm ven làng 180m² tại xóm H, xã L, huyện T Hải Phòng, khi còn sống Cụ T và Cụ Tg đã đổi cho cụ Cao Thị D (hiện đã chết) lấy 180m² đất 03 thuộc thửa 1562 tờ bản đồ 02 tại thôn H, xã L.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa bà X đang quản lý, sử dụng 436m², trên đất có nhà cấp 4 và các công trình phụ của bà X; thửa bà X đổi cho bà B 704,1m²; thửa chị Vũ Thị H Q đang sử dụng 198,8m²; thửa chị Vũ Thị H đang sử dụng 253,2m²; thửa anh Nguyễn Thế H đang sử dụng 266,8m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích 63m² và các công trình phụ; thửa số 09 diện tích 139,3m²; thửa đất cụ Cao Văn T quản lý 794,9m², trên đất có nhà Từ đường chi họ Cao diện tích 72,8m², một móng nhà và công trình phụ; thửa đất bà Cao Thị N quản lý 705,8m²; thửa hình chữ L liền kề đất bà N quản lý có diện tích 245,7m²; diện tích đất 03, tại thửa số 1584, tờ bản đồ số 02 diện tích 521,2m²; diện tích đất 03, tại thửa số 1562, tờ bản đồ số 02 diện tích 180m²;

Kết quả định giá: Về giá đất theo quy định của Nhà nước là 400.000 đồng/m². Giá đất chuyển nhượng trên thị trường là 700.000 đồng/m². Về tài sản trên thửa đất cụ T quản lý có tổng giá trị là 397.280.000 đồng. Phần tài sản trên đất bà X quản lý là 111.600.000 đồng. Phần tài sản trên đất của bà N là các cây cối trị

gái là 5.100.000 đồng. Phần tài sản trên đất anh H đang quản lý có tổng trị giá là 162.900.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Quan điểm của nguyên đơn đối với thửa 15, trừ phần diện tích đất đã dùng xây nhà thờ và các công trình phục vụ nhà thờ ra, phần diện tích đất còn lại bao gồm từ phần sân Từ đường trở ra đề nghị chia đều theo quy định. Ngoài ra còn các thửa đất 09, thửa đất số 1584, thửa số 1562, tất cả các thửa đất này khi còn sống các cụ chưa chia cho ai, vì vậy đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà 3 gian cũ trên thửa 15, không đề nghị giải quyết cây cối hoa màu trên đất. Các nội dung khác nguyên đơn giữ nguyên trình bày trước đây.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cao Thị X trình bày: Đối với thửa số 15, năm 1980 Cụ T, Cụ Tg đã có văn bản chia tách đất các con, sau đó đã được đăng ký vào sổ ruộng đất, bà X ở ổn định, được cấp quyền sử dụng đất, vì vậy đề nghị giữ nguyên, không chia lại. Đối với thửa đất số 1584, thửa số 1562 là đất 03, hiện bà X đang sử dụng, theo quy định của pháp luật không chia đất 03, vì vậy đề nghị tiếp tục giao bà X sử dụng. Đối với phần đất đổi giữa bà B và bà X, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bà X, bà X không chấp nhận thanh toán giá trị tài sản tranh chấp cho anh Nguyễn Thế H. Các thửa đất khác đề nghị chia theo pháp luật. Phần đất bà X được chi nằm trong khuôn viên Từ đường bà xin góp vào Từ đường để làm nơi thờ cúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Bà X là người cao tuổi vì vậy, đề nghị miễn án phí cho bà X.

- Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Cao Văn T trình bày: Khi còn sống Cụ T, Cụ Tg có ý nguyện để lại 2,2 sào ở thửa 15 để làm nhà Từ đường. Năm 2012, trong họ đã họp bàn làm Từ đường, khi họp không có cháu Hưng con bà Ba, tuy nhiên có cả cháu Mạnh, cháu Hùng và các thành viên trong họ đều thống nhất sử dụng 2,2 sào làm Từ đường, sau đó các con cháu đã góp tiền, công sức xây Từ đường. Từ đường sử dụng thờ cúng các cụ, được sử dụng chung trong họ, không của riêng ai. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý nguyện của Cụ T, Cụ Tg, giữ nguyên phần đất đã xây Từ đường và khuôn viên để làm nơi thờ cúng chung, không chia.

- Bà Cao Thị N và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trọng M trình bày: Khi còn sống Cụ T và Cụ Tg có việc chia tách đất cho các con là có thật nhưng chưa chia trên thực địa. Các cụ có văn bản chia đất hay không bà N, ông Mẫn không biết. Phần đất của bà N nhận chia, ông bà đã xây tường bao từ năm 2007, hiện chưa sử dụng. Bà N đề nghị chia toàn bộ diện tích đất các cụ để lại theo quy định, nếu phần đất bà được chia nằm trong khuôn viên 2,2 sào của Từ đường,

bà tự nguyện góp vào Từ đường để làm nơi thờ cúng các cụ và bố mẹ của bà. Do mọi người được nhận phần mặt ngõ nên bà N và ông Mẫn xin nhận phần đất đang quản lý, đề nghị Tòa án chia sao cho có lối đi.

- Anh Nguyễn Thế H trình bày: Không nhất trí với nguyên đơn về việc không đề nghị chia phần đất đã xây Từ đường. Toàn bộ phần đất các cụ để lại chưa chia cho ai, đề nghị chia toàn bộ diện tích này. Phần đất anh H đang ở là của bà Bmua của bà X, nếu bà X muốn lấy lại thì phải thanh toán cho anh H toàn bộ công trình trên đất.

- Chị Vũ Thị H, Vũ Thị Hồng Q trình bày: Đất của bà X có nguồn gốc các cụ cho bằng văn bản, được đăng ký vào sổ ruộng đất của xã năm 1989, được cấp quyền sử dụng đất. Sau đó bà X có chia tách cho chị Hồng, **chị Q**, việc chia tách đúng quy định, đúng thủ tục quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đề nghị hủy giấy chứng nhận đã cấp cho chúng tôi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung khởi kiện: Tài liệu đủ cơ sở khẳng định Cụ T, Cụ Tg chết để lại di sản gồm: 3.251,8m² ở thửa số 15; 226m² thửa số 09; 521,2m² đất 03 thửa **số 1584; 180m² thửa số 1562.**

Về thửa đất số 15: Cụ T và Cụ Tg trước khi chết có viết giấy chia tách cho các con. Đất đo thực tế, bà X được chia 888m², bà N được chia 705,8m²; bà B được chia 704,1m². Xét việc chia tách đất của Cụ T, Cụ Tg bằng văn bản, có địa phương chứng thực, được đăng ký vào sổ ruộng đất, thực tế các đương sự đã được nhận đất, bà X ở ổn định và được cấp quyền sử dụng đất nên không chấp nhận chia thừa kế phần đất này. Đối với phần đất xây nhà Từ đường chi họ Cao diện tích 794,9m², trong đó 366,7m² sử dụng xây Nhà từ đường và các công trình phụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị giữ nguyên phần đất này không chia, do vậy phần đất còn lại 428,2m² chia theo pháp luật. Đối với yêu cầu phân tố của bà X, xét anh H sử dụng thửa số 8 ổn định, đã xây nhà trên đất. Bản thân bà X không chấp nhận thanh toán giá trị tài sản trên đất nên không chấp nhận yêu cầu phân tố của bà X. Phần di sản còn lại nằm trong các thửa 09, 15 là 813,2m² được chia đều cho các con Cụ T. Phần đất của bà N, bà X được chia nằm trong khuôn viên nhà Từ đường, bà bà N, bà X tự nguyện góp vào Từ đường để làm nơi thờ cúng. Việc cấp giấy chứng nhận Từ đường dòng họ Cao không được con bà Đồng ý, làm ảnh hưởng đến quyền lợi các đương sự, nay các đương sự yêu cầu chia thừa kế diện tích đất này nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Từ đường dòng họ Cao. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cấp cho bà X, chị Hồng, chị Hồng Q đảm bảo đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hủy giấy này. Các đương sự nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong vụ án có đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A và người đại diện theo ủy quyền chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Cao Thị X đề nghị xét xử vắng mặt, cụ Cao Văn Tvắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền ông Khúc Văn H có mặt; chị Phạm Thị Q vắng mặt; anh Nguyễn Thế M vắng mặt nhưng có chị Hà Thị Thúy H có mặt, chị Hoa vắng mặt lúc tuyên án; Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Những người vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Cao Văn T và cụ Phạm Thị T đều chết năm 2006, theo quy định tại khoản 1 Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của Cụ T, Cụ Tg vẫn đảm bảo.

[4] Về hàng thừa kế: Cụ Cao Văn T và cụ Phạm Thị T sinh được 03 người con là các bà Cao Thị X, Cao Thị N và Cao Thị B. Các cụ chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của các cụ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là bà X, bà N và bà Ba. Bà B chết năm 2004 nên theo quy định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì các con bà B là anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế M, anh Nguyễn Tuấn A được hưởng phần di sản của bà B được hưởng.

[5] Về kết quả thẩm định, định giá tài sản: Quá trình công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất, không có ý kiến gì về kết quả thẩm định, định giá tài sản nên Hội đồng xét xử làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Xác định di sản thừa kế: Lời khai của các đương sự đều thống nhất di sản của Cụ T, Cụ Tg để lại gồm:

[6] Thừa đất số 15, tờ bản đồ số 02: Thực tế đo có diện tích 3.251,8m², bao gồm: phần **bà X đang ở 888m²; bà N đang quản lý 705,8m²; bà X đang quản lý 704,1m² (là phần các cụ cho bà Ba); phần đất xây nhà Từ đường chi họ Cao diện tích 794,9m² và diện tích 245,7m² hiện là đất trống giáp hộ bà Nguyễn Thị K. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày, khi còn sống Cụ T và**

Cụ Tg đã có văn bản chia tách đất cho 03 người con, đề “Giấy nhượng vườn đất cho các con” ghi ngày 03/2/1980, được UBND xã Lâm Động chứng thực ngày 04/02/1980. Theo văn bản chia tách trên thì bà X được chia 2,5 sào (tương đương 900 m²); bà N và bà B mỗi bà được chia 2 sào (tương đương 720 m²) nhưng các cụ chưa giao đất trên thực địa. Xét, văn bản chia tách trên hiện chỉ còn bản photo, các đương sự và chính quyền địa phương không còn lưu giữ được bản gốc. Tuy nhiên, lời khai trên của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn, lời khai ông Cao Văn T, bà Cao Thị N, của bà Cao Thị D tại biên bản họp gia đình ngày 26/9/2006 (Bl 152), phù hợp lời khai các thành viên trong họ và phù hợp với cung cấp của UBND xã Lâm Động. Việc chia tách đất đã được ghi vào sổ đăng ký ruộng đất của xã năm 1989. Như vậy, đủ cơ sở xác định Cụ T, Cụ Tg khi còn sống đã chia tách đất cho các con. Nguyên đơn thừa nhận các cụ có văn bản chia tách đất nhưng chưa giao đất trên thực địa, xét thực tế, các con Cụ T đã nhận đất; bà X sử dụng đất được chia từ năm 1980; năm 2001 bà B đã đổi phần đất được chia lấy phần đất bà X mua của bà Trần Thị N là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 2, diện tích 266m². Sau đó đến năm 2011, UBND xã Lâm động đã làm thủ tục, cắm mốc giới, đến năm 2015 bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa diện tích đo thực tế đối với các phần đất các con Cụ T được chia phù hợp với diện tích được chia tách theo như “Giấy nhượng vườn đất cho các con” ghi ngày 03/2/1980. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế diện tích đất này.

Về phần diện tích đất còn lại của thửa 15 là 1.040,6m², bao gồm: 794,9m² là khuôn viên nhà Từ đường chi họ Cao Văn T, trong đó có 366,7m² đã xây nhà Từ đường và các công trình phụ; 245,7m² đất trống giáp hộ bà Nguyễn Thị K. Đối với phần diện tích 366,7m² trên đất đã xây nhà Từ đường: Xét Cụ T là con trưởng của các cố, theo phong tục, tập quán là người có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Mặc dù, Cụ T đã chết, không để lại di chúc nhưng các cụ Cao Văn T, Cao Thị D, Cao Thị T, Cao Thị H là anh chị em của Cụ T, các con cháu trong họ đều khẳng định khi còn sống Cụ T có ý nguyện để lại một phần đất để xây nhà thờ. Trên thực tế, diện tích 366,7m² trên đất đã xây nhà Từ đường do các thành viên trong Chi họ Cao Văn T đóng góp. Khi giải quyết vụ án, bản thân nguyên đơn cũng có đề nghị không chia phần đất đã xây dựng nhà thờ, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng đã trình bày quan điểm của nguyên đơn không đề nghị chia phần đất đã xây công trình nhà Từ đường, phù hợp với mong muốn của cụ T, bà X, bà N và nguyện vọng của các con cháu dòng họ Cao và cũng không có đương sự nào có yêu cầu chia nhà Từ đường. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải chấp đề nghị này, không chia đối với diện tích đất 366,7m² mà trên đất đã xây nhà Từ đường.

Đối với diện tích 428,2m² đất là sân nhà Từ đường và 245,7m² đất trống giáp hộ bà Nguyễn Thị K. Xét bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ xuất trình văn bản photo viết tay đề “Bản khai thân nhân liệt sỹ (Bl 171), trong đó có

nội dung: Về đất còn lại 2,2 sào vợ chồng tôi ở, sau cho Trung – Thực để cúng tổ. Tuy nhiên, xét văn bản trên là bản photo, không có nội dung rõ ràng, không có chữ ký của Cụ T, Cụ Tg. Căn cứ điều 652, Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 không coi văn bản trên di chúc. Bà B là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Cụ T và Cụ Tg, bà B chết nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A con bà B được xác định là một trong những người được hưởng phần di sản của bà Ba. Ngày 26/9/2006 và ngày 11/11/2012, các con cháu Cụ T, Cụ Tg họp giao phân đất còn lại 2,2 sào (thực tế đo 794,9m²) cho cụ Cao Văn T(em Cụ T) quản lý, làm nơi thờ cúng nhưng anh Nguyễn Tuấn A (con bà B) không được dự, không biết nội dung thỏa thuận trên, văn bản thỏa thuận không được đăng ký, không chứng thực nên không có giá trị pháp lý. Nay, nguyên đơn đề nghị chia thừa kế đối với diện tích này. Vì vậy, để đảm quyền lợi cho các đương sự nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chia thừa kế đối với diện tích 428,2m² + 245,7m² (gồm phần đất sân nhà Từ đường và phần đất giáp hộ bà Nguyễn Thị K) = 673.9m² đất này.

[7] *Thừa đất số 09, tờ bản đồ số 02*: Thực tế đo có diện tích 226m² là đất có trước năm 1980, do các cụ để lại. Bà X được các cụ chia tách cho 900m² đất, sau này kiểm đếm không đủ 900m² nên bà X lấy thêm một phần ở thửa 09. Vì vậy, thửa 09 hiện nay còn lại diện tích 139,3m². Cụ T, Cụ Tg chết không để lại di chúc nên thửa đất này được chia thừa kế.

[8] *Thừa đất 180m², đất ao chuôm ven làng*: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 180m² đất ao chuôm ven làng, sau đó nguyên đơn thay đổi lời khai cho rằng Cụ T, Cụ Tg khi còn sống đã đổi thửa đất này cho cụ Cao Thị D (hiện cụ Dấu đã chết) lấy 180m² đất 03 tại thửa số 1562, tờ bản đồ số 2. Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với lời khai của ông ông Nguyễn Trọng M, ông Đỗ Văn T, bà Đàm Thị T là những người cao tuổi trong làng, phù hợp với cung cấp của UBND xã Lâm Động. Nay, nguyên đơn đề nghị chia thừa kế thửa đất 180m² đất 03 tại thửa số 1562, tờ bản đồ số 2. Xét diện tích 180m² trên là đất 03, đất trồng lúa, thuộc quyền quản lý của UBND xã Lâm Động nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi Cụ T, Cụ Tg chết thì bà X sử dụng cho đến nay. Vì vậy, cần tạm giao cho bà X sử dụng. Bà X phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

[9] *Thừa đất số 1584, tờ bản đồ số 02*: Thực tế đo có diện tích 521,2m². Năm 1995, Nhà nước giao diện tích đất này cho Cụ Tg thời hạn 20, đến nay đã hết thời hạn sử dụng nhưng chưa có quyết định thu hồi, hiện nay chưa giao lại cho ai. Quá trình giải quyết bà X trình bày trong tổng diện tích trên có khoảng 100m² do bà X thuê đấu thầu của xã. Tuy nhiên, qua xác minh và chính bà X không xuất trình được chứng cứ nên không đủ căn cứ xác định việc bà X đấu thầu đất. Xét diện tích đất trên là đất 03, đất trồng lúa, thuộc quyền quản lý của UBND xã Lâm

Động nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi Cụ T, Cụ Tg chết thì bà X sử dụng cho đến nay. Vì vậy, cần tạm giao cho bà X sử dụng. Bà X phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Về chia thừa kế:

[10] Như phân tích ở trên, diện tích đất của Cụ T, Cụ Tg còn lại phải chia thừa kế là $428,2 + 245,7 + 139,3 = 813,2\text{m}^2$, bao gồm: 428,2m² đất phía trước nhà Từ đường; 139,3m² thửa 09; 245,7m² đất giáp hộ bà Nguyễn Thị K. Như vậy, các con Cụ T, Cụ Tg là bà X, bà N, bà B mỗi người được nhận 271m² đất. Chia cụ thể: Bà X được chia 271m² đất nằm trong diện tích đất 428,2 m² đất thuộc thửa 15, đất khuôn viên nhà Từ đường. Bà N được chia 271m², bao gồm 245,7m² đất giáp hộ bà Nguyễn Thị K và 25,5m² đất thuộc thửa 15, đất khuôn viên nhà Từ đường. Bà B được chia 139,3m² thuộc thửa số 09 và 131,7m² nằm trong diện tích đất 428,2 m² thuộc thửa 15, đất khuôn viên nhà Từ đường. Bà X và bà N tự nguyện hiến phần đất được chia nằm trong khuôn viên nhà Từ đường cho Chi họ Cao sử dụng làm nơi thờ cúng. Do vậy, phần đất còn lại các đương sự được nhận cụ thể: Bà N được nhận 245,7m² đất trồng giáp hộ bà Nguyễn Thị K; bà Ba được nhận 139,3m² thuộc thửa số 09 và 131,7m² nằm trong diện tích đất 428,2 m² thuộc thửa 15, đất khuôn viên nhà Từ đường (có sơ đồ kèm theo bản án).

[11] Đối với phần đất bà X, bà N được chia 296,5m² nằm trong khuôn viên nhà Từ đường; bà X, bà N tự nguyện góp vào để Chi họ Cao sử dụng làm nơi thờ cúng các cụ và bố mẹ các bà nên cần giao phần đất này cho Chi họ Cao do ông Cao Văn T trưởng chi quản lý.

[12] Đối với yêu cầu phản tố của bà X về việc đề nghị anh Nguyễn Thế H (con của bà Ba) trả lại cho bà X diện tích đất 250 m² tại thửa số 08 mà trước đây bà X đã đổi cho bà B lấy phần đất các cụ chia cho bà Ba. Thực tế đo, thửa 08 có diện tích 266,8m², hiện do anh Nguyễn Thế H và chị Phạm Thị Q (con bà B) đang sử dụng, đã xây nhà và các công trình khác kiên cố. Nguồn gốc thửa đất này do bà X nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị N, sau đó bà X đổi lại cho bà B lấy phần đất bà B được các cụ chia. Xét, các đương sự đều thừa nhận việc đổi đất trên là có thật, vợ chồng anh H đang sinh sống ổn định trên thửa số 08, hơn nữa bà X không chấp nhận việc bồi thường giá trị tài sản trên đất cho anh H, chị Q nên cần bác yêu cầu phản tố này của bà X. Giao bà X được quyền sử dụng đất 704,1m² đất thuộc thửa 15, thửa đất giáp hộ ông Lã Ngô Ngọc M và hộ bà Nguyễn Thị D (có sơ đồ kèm theo).

[13] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Cao Thị X, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H Quế: Bà X được các cụ chia tách đất có diện tích 888m² tại thửa số 15, sau đó bà X làm thủ tục chia tách lại cho chị Hồng 264m² (đo thực tế 253,2m²); chia tách cho chị Hồng Q 200m² (đo thực tế

198,8m²). Xét sau khi chia tách đất bà X, chị Hồng, chị Hồng Q đã được đăng ký vào sổ đăng ký ruộng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 276610 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp cho bà Cao Thị X ngày 23/4/2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 184382 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/7/2015 cho chị Vũ Thị H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 184383 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/7/2015 cho chị Vũ Thị H Quế. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Từ đường dòng họ Cao: Phần đất này có diện tích 794,5m² (đo thực tế 794,9m²), là di sản của Cụ T, Cụ Tg. Khi Cụ T, Cụ Tg chết không có di chúc về diện tích đất này. Năm 2011, đã xảy ra tranh chấp chia thừa kế đối với thửa đất trên nhưng năm 2016 khi chưa có kết quả giải quyết nhưng UBND xã Lâm Động và UBND huyện Thủy Nguyên vẫn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận mang tên Từ đường dòng họ Cao là ảnh hưởng đến quyền lợi của các con bà Ba. Vì vậy, cần hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 843506 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/11/2016 cho Từ đường dòng họ Cao.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X, bà N đều là người cao tuổi. Bà B chết năm 2004, thọ 57 tuổi, chết trước Cụ T, Cụ Tg, các con bà B là người thừa kế thế vị nên phải đóng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng tương đương 271m² x 700.000 đồng/m² = 189.700.000 đồng. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Bà X, bà N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 164, 167, 197, 631; 635; 652; 653; 674; 675; 676; 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 46, 106 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A, chia 813,2m² đất là di sản của cụ Cao Văn T và cụ Phạm Thị T. Cụ thể:

- Anh Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế M được hưởng phần di sản diện tích 139,3m² thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 2 (có các mốc giới 4, 5, 16, 15, 13, 14) và diện tích đất 131,7m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2 (có các mốc 33, 34, 35, 46, 45), đều tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Bà Cao Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 436m² do Cụ T, Cụ Tg chia tách thuộc thửa số 15, nay là thửa 15 (1), tờ bản đồ số 2 (có các mốc giới 27, 28, 29, 30, 31, 32) và tài sản trên đất, tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Bà Cao Thị N được hưởng phần di sản diện tích 245,7m² thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2 (có các mốc giới 34, 35, 46, 47, 36, 37, 26, 44, 42, 43), tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Bà Cao Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 705,8m² do Cụ T, Cụ Tg chia tách thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2 (có các mốc giới 25, 38, 39, 40, 41, 42, 44), đều tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Chi họ Cao Văn T của dòng họ Cao tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng do ông Cao Văn T là Trưởng chi được quyền sử dụng diện tích đất 663,2m² và tài sản trên đất, thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2 (có các mốc giới 31, 32, 27, 26, 37, 36, 47, 46, 45, 48 tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Chị Vũ Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 253,2m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2, nay là thửa 15 (1A), (có các mốc giới 7, 6, 5, 16, 15, 13, 12, 17, 18, 19, 20, 21, 22), tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Chị Vũ Thị H Q được quyền sử dụng diện tích đất 198,8m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2, nay là thửa 15 (1B), (có các mốc giới 22, 21, 28, 29), tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Cao Thị X về việc buộc anh Nguyễn Thế H, chị Phạm Thị Q trả lại cho bà X diện tích đất 250 m² tại thửa số 08, tờ bản đồ số 02, thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mà trước đây bà X đã đổi cho bà Bláy phần đất các cụ chia cho bà Ba.

- Bà Cao Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 704,1m² do trước đây đã đổi cho bà Cao Thị B thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2 (có các mốc giới 20, 23, 24, 25, 44, 26, 27, 28, 21), tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Tạm giao cho bà Cao Thị X sử dụng thửa đất 180m² là đất 03 tại thửa số 1562, tờ bản đồ số 2 và diện tích 521,2m² là đất 03, thửa đất số 1584, tờ bản đồ số 02, đều tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà X phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 276610 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp cho bà Cao Thị X ngày 23/4/2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 184382 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/7/2015 cho chị Vũ Thị H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 184383 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/7/2015 cho chị Vũ Thị H Quế.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 843506 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 28/11/2016 cho Từ đường dòng họ Cao.

Các đương sự phải có nghĩa vụ làm thủ tục điều chỉnh, cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện chia căn nhà 3 gian trên đất tranh chấp thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 2, tại thôn H, xã L, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Thế H, anh Nguyễn Thế M phải nộp 9.485.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể mỗi người phải nộp 3.161.666 đồng. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000225 ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh Nguyễn Tuấn A 6.838.334 đồng.

- Bà Cao Thị X, bà Cao Thị N được miễn án án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Cao Thị X 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000443 ngày 30/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

8. Về quyền kháng cáo:

- Cụ Cao Văn T, bà Cao Thị N, anh Nguyễn Thế H, chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H Qđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Tuấn A, bà Cao Thị X, chị Phạm Thị Q, anh Nguyễn Thế M và Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố;
- CC THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự (đề thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng